



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM

Kon Tum Community College

CẨM NANG TUYỂN SINH NĂM 2023

Trình độ cao đẳng,
trung cấp, sơ cấp và
đào tạo dưới 3 tháng

Hotline/Zalo

0846.864929

<https://ktcc.edu.vn>

<https://tuyensinh.ktcc.edu.vn>



MỤC LỤC

A. GIỚI THIỆU	1
SỨ MỆNH, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI.....	1
THÔNG TIN CHUNG.....	2
1. Thời gian tuyển sinh.....	2
2. Đối tượng tuyển sinh.....	2
3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển.....	2
4. Thời gian đào tạo.....	3
5. Chính sách đối cho người học với hệ đào tạo chính quy.....	3
5.1. Chính sách miễn, giảm học phí.....	3
5.2. Chính sách học bổng.....	5
5.3. Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.....	6
5.4. Chính sách nội trú.....	6
5.5. Chính sách về trợ cấp xã hội.....	7
5.6. Chính sách hỗ trợ đào tạo đối với người học trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.....	7
5.7. Chính sách tín dụng.....	8
5.8. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện.....	8
5.9. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất.....	9
5.10. Chính sách về khởi nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm.....	10
B. DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ TUYỂN SINH	11
I. Trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy.....	11
II. Trình độ cao đẳng - ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp.....	11
III. Trình độ trung cấp - ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp.....	12
IV. Trình độ sơ cấp - ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp.....	13
V. Liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp.....	14
VI. Tuyển sinh bồi dưỡng, đào tạo thường xuyên.....	14
VII. Tuyển sinh và đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học.....	16

C. THÔNG TIN HỌC PHÍ, CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ (đối với người học cao đẳng, trung cấp hệ chính quy)	18
I. Học phí	18
1. Mức học phí	18
2. Chính sách học phí	19
D. MỘT SỐ QUY ĐỊNH TUYỂN SINH NĂM 2023	19
1. Phương thức tuyển sinh	19
2. Đối tượng ưu tiên	20
2.1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.	20
2.2. Chính sách tuyển thẳng	22
2.3. Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào học trình độ cao đẳng	24
2.4. Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền được tuyển thẳng nếu dự tuyển theo hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển được ưu tiên cộng điểm theo quy định của trường vào tổng điểm các môn dự tuyển của thí sinh. .	24
2.5. Chính sách ưu tiên theo khu vực	24
2.6. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh	25
3. Quy định điểm sàn với trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	25
4. Phương thức xét tuyển trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	26
5. Đợt tuyển sinh	26
E. THÔNG TIN CỤ THỂ VỀ NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP	26
F. THÔNG TIN TUYỂN DỤNG VÀ GIỚI THIỆU VIỆC LÀM	32

A. GIỚI THIỆU

- ✓ Tên trường: **Trường Cao đẳng Cộng Đồng Kon Tum**
- ✓ Tên tiếng Anh: ***KonTum Community College (KTCC)***
- ✓ Mã Trường:
- Ngành đào tạo giáo viên: **C36**
- Nhóm ngành Giáo dục nghề nghiệp: **CDD3601**
 - ✓ Loại Trường: **Công lập**
 - ✓ Trình độ đào tạo: **Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.**
- ✓ **Địa chỉ:**
 - Trụ sở chính: 14 Ngụy Như Kon Tum, Tổ 3, Phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum.
 - Khoa Kinh tế - Nông Lâm và Khu thực nghiệm: Đường Võ Nguyên Giáp, Tổ 10, Phường Duy Tân, thành phố Kon Tum.
 - Khoa Y - Dược: Số 347, Bà Triệu, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum.
 - Khoa Kỹ thuật – Công nghệ và các Trung tâm: Đường Trương Vĩnh Ký, Tổ 2, Phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum.
- ✚ Website Trường: ktcc.edu.vn - Website tuyển sinh: tuyensinh.ktcc.edu.vn
- ✚ Email: tuyensinh@ktcc.edu.vn
- ✚ Fanpage/Zalo/Lotus: Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum
- ✚ Điện thoại: 0260.3864929 - Hotline: 0846.864929

SỨ MỆNH, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

✚ **Sứ mệnh:** Đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và Khu vực tam giác phát triển CLV thông qua đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung ứng dịch vụ chất lượng cao cho xã hội.

✚ **Tâm nhìn:** Phát triển Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum trở thành trường cao đẳng chất lượng cao, có uy tín, thương hiệu của khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và quốc gia, đạt chuẩn quốc tế; đào tạo đa cấp trình độ, đa ngành nghề; nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ uy tín và tin cậy.

✚ **Giá trị cốt lõi:** Nhân văn - Uy tín - Chất lượng - Hội nhập - Hiệu quả.

THÔNG TIN CHUNG

1. Thời gian tuyển sinh

- Trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non: Tuyển sinh theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các ngành nghề giáo dục nghề nghiệp: Tuyển sinh liên tục trong năm (đến ngày 31/12/2023).

2. Đối tượng tuyển sinh

2.1. Trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Xét điểm thi tốt nghiệp THPT 2023.

+ Xét học bạ lớp 12 có học lực xếp loại Khá trở lên **hoặc** điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên.

2.2. Nhóm ngành, nghề giáo dục nghề nghiệp: Xét tuyển.

a) Trình độ cao đẳng: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

b) Trình độ trung cấp: Tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên.

c) Trình độ Sơ cấp: Người từ đủ 15 (mười lăm) tuổi trở lên, có trình độ học vấn và sức khoẻ phù hợp với nghề cần học.

d) Liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp:

- Đối tượng tuyển sinh liên thông trình độ trung cấp:

+ Người có chứng chỉ sơ cấp, sơ cấp nghề cùng ngành, nghề và có bằng tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên;

+ Người có bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp có nhu cầu học liên thông để có bằng tốt nghiệp trung cấp thứ hai.

- Đối tượng tuyển sinh liên thông trình độ cao đẳng

+ Người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề và bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

+ Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT thì phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

a) *Trình độ cao đẳng, trung cấp*

- Đơn đăng ký tuyển sinh;

- Học bạ THCS hoặc THPT hoặc bảng điểm thi THPT (bản sao có chứng thực);

- Bằng tốt nghiệp THCS hoặc THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực);

- Thông tin về cư trú;
- 2 bì thư dán tem, ghi rõ địa chỉ và số điện thoại để liên hệ.

b) Trình độ sơ cấp

- Đơn đăng ký tuyển sinh;
- Thẻ Căn cước công dân/Chứng minh thư nhân dân (bản sao có chứng thực);
- 2 bì thư dán tem, ghi rõ địa chỉ và số điện thoại để liên hệ.

c) Đối với liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp

- Đơn đăng ký tuyển sinh;
- Học bạ THCS hoặc THPT hoặc bảng điểm thi THPT (bản sao có chứng thực);
- Bằng tốt nghiệp THCS hoặc THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực);
- Văn bằng tốt nghiệp sơ cấp/trung cấp/cao đẳng (bản sao có chứng thực);
- Thông tin về cư trú;
- 2 bì thư dán tem, ghi rõ địa chỉ và số điện thoại để liên hệ

4. Thời gian đào tạo

- Trình độ cao đẳng: **Từ 2.5 đến 3 năm.**
- Trình độ trung cấp: **Từ 1.5 năm đến 2 năm** (đối với học sinh tốt nghiệp THCS có nguyện vọng học liên thông lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp Trung cấp thì phải học thêm chương trình văn hóa là 01 năm)
- Trình độ sơ cấp: **Từ 3 - 6 tháng.**
- Liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp: **Từ 1 năm đến 2 năm** (người học tích lũy đủ số lượng mô đun hoặc tín chỉ theo từng chương trình đào tạo).

5. Chính sách đối cho người học với hệ đào tạo chính quy

5.1. Chính sách miễn, giảm học phí

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

a) Đối tượng được miễn học phí

- Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Học sinh, sinh viên học các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp là người khuyết tật.

- Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển (kể cả học sinh cử tuyển học nghề nội trú với thời gian đào tạo từ 03 tháng trở lên) theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Học sinh, sinh viên học các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp là người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP (học sinh, sinh viên thuộc 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chút, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ).

- Người học các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp thuộc đối tượng của các chương trình, đề án được miễn học phí theo quy định của Chính phủ.

- Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp.

- Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng, đối với các ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

- Người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các ngành, nghề chuyên môn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định.

- Các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

b) Đối tượng được giảm học phí

- Đối tượng được giảm 70% học phí, gồm: Học sinh, sinh viên học các ngành nghề thuật truyền thống và đặc thù trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tự thực có đào tạo về văn hóa - nghệ thuật bao gồm: Nhạc công kịch hát dân tộc, nhạc công truyền thống Huế, đờn ca tài tử Nam Bộ, diễn viên sân khấu kịch hát, nghệ thuật biểu diễn dân ca, biểu diễn nhạc cụ truyền thống; Học sinh, sinh viên học các chuyên ngành nhã nhạc cung đình, chèo, tuồng, cải lương, múa, xiếc; một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp theo danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định; Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối tượng được giảm 50% học phí: Học sinh, sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

c) Việc thực hiện các thủ tục miễn giảm học phí được quy định cụ thể tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

5.2. Chính sách học bổng

Nhằm khuyến khích học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phấn đấu, rèn luyện đạt kết quả cao trong học tập, Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục quy định 02 loại học bổng đối với người học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp

a) Học bổng khuyến khích học tập:

- Đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách học bổng khuyến khích học tập: Học sinh, sinh viên đang học các ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong kỳ xét cấp học bổng.

- Mức học bổng khuyến khích học tập: (i) Học bổng loại khá: Mức học bổng bằng hoặc cao hơn mức trần học phí hiện hành của ngành, nghề mà học sinh, sinh viên đó phải đóng do hiệu trưởng trường cao đẳng, trường trung cấp quy định đối với học sinh, sinh viên có điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện đều đạt loại khá trở lên. Đối với các trường cao đẳng, trường trung cấp tự thực mức học bổng tối thiểu do hiệu trưởng quy định. Đối với những ngành nghề đào tạo không thu học phí thì áp dụng theo đơn giá được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cho nhóm ngành đào tạo của trường. (ii) Học bổng loại giỏi: Mức học bổng cao hơn loại khá do hiệu trưởng quy định đối với học sinh, sinh viên có điểm trung bình chung học tập đạt loại giỏi trở lên và điểm rèn luyện đạt loại tốt trở lên. (iii) Học bổng loại xuất sắc: Mức học bổng cao hơn loại giỏi do hiệu trưởng quy định đối với học sinh, sinh viên có điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện đều đạt loại xuất sắc.

Học sinh, sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, trợ cấp xã hội, chính sách ưu đãi thì vẫn được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập theo quy định.

b) Học bổng chính sách: Nhà nước cấp học bổng chính sách cho một số đối tượng ưu tiên nhằm khuyến khích học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phấn đấu, rèn luyện nâng cao kết quả cao trong học tập. Đồng thời, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng ưu tiên, đối tượng thuộc nhóm yếu thế,... có cơ hội được học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Đối tượng được hưởng học bổng chính sách: Sinh viên theo chế độ cử tuyển; Người học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật.

- Mức hưởng học bổng chính sách: (i) Đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển; học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật: Mức học bổng bằng 80% mức lương cơ sở/tháng; (ii) Đối với người học là thương binh thuộc hộ nghèo học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật: Mức học bổng bằng 100% mức lương cơ sở/tháng.

5.3. Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người

Chính sách được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

a) Đối tượng thụ hưởng chính sách: Học sinh, sinh viên thuộc 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người: Công, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ (sau đây gọi là dân tộc thiểu số rất ít người).

b) Chính sách ưu tiên về tuyển sinh: Học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người được ưu tiên vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp theo nguyện vọng: (i) Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tuyển thẳng vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp. (ii) Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông được xét tuyển thẳng vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

c) Chính sách hỗ trợ học tập:

- Mức hỗ trợ: Học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng.

- Thời gian được hưởng hỗ trợ: 12 tháng/năm cho đối tượng có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp đối tượng học không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian học thực tế.

5.4. Chính sách nội trú

Nhằm khuyến khích, hỗ trợ các đối tượng thuộc nhóm yếu thế được tham gia học tập trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp quy định cụ thể chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên thuộc đối tượng ưu tiên học các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Bao gồm: Học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác (hỗ trợ đi lại; hỗ trợ chi phí học tập; tiền đi lại;...).

Đối tượng thụ hưởng chính sách: Người học các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc các đối

tượng sau đây thì được hưởng chính sách nội trú theo quy định. Cụ thể: (i) Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật. (ii) Người tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú. (iii) Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

5.5. Chính sách về trợ cấp xã hội

Chính sách về trợ cấp xã hội được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Theo đó, một số người học các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

a) Đối tượng thụ hưởng chính sách: (1) Người học dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp theo quy định của pháp luật. Trường hợp người học đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng mà đủ 16 tuổi nhưng đang học các trình độ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp (văn bằng thứ nhất) thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc khóa học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi. (2) Người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có chồng hoặc chưa có vợ; đã có chồng hoặc vợ nhưng đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 đến 22 tuổi và người con đó đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất. (3) Người học là khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định pháp luật về người khuyết tật.

b) Mức trợ cấp xã hội: (i) Mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định hiện hành là 360.000 đồng/tháng. (ii) Mức trợ cấp xã hội hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số tương ứng theo quy định đối với từng đối tượng cụ thể.

5.6. Chính sách hỗ trợ đào tạo đối với người học trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng

Nhằm nâng cao công tác tuyển sinh, đào tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực làm các công việc đơn giản, Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng.

a) Đối tượng áp dụng: Người học là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng. Trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân.

b) Mức hỗ trợ chi phí đào tạo: (i) Người khuyết tật: Mức tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học. (ii) Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học. (iii) Người dân tộc thiểu số,

người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân: Mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học. (iv) Người thuộc hộ cận nghèo: Mức tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học. (v) Người học là phụ nữ, lao động nông thôn: Mức tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học. (vi) Riêng ngư dân học các nghề: Vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới, kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên được hỗ trợ 100% chi phí đào tạo và thực hiện theo quy định của Chính phủ.

c) Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại: Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, tiền ăn với mức 30.000 đồng/người/ngày thực học, tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

5.7. Chính sách tín dụng

Nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho người học có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có cơ hội được học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngày 27/9/2007 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg về tín dụng đối với học sinh, sinh viên. Theo đó, hỗ trợ tín dụng cho học sinh, sinh viên, góp phần trang trải chi phí cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh, sinh viên trong thời gian theo học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm: tiền học phí; chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập, chi phí ăn, ở, đi lại.

a) Đối tượng thụ hưởng chính sách: Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: (i) Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động. (ii) Học sinh, sinh viên là thành viên của hộ nghèo, Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo. (iii) Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học

b) Phương thức cho vay: (i) Việc cho vay đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. (ii) Mức cho vay tối đa là 2.500.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên. (iii) Lãi suất cho vay là 0,5%/tháng.

5.8. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện

Theo quy định của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm thì thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội được hỗ trợ đào tạo nghề.

- Điều kiện hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội: (1) Có nhu cầu đào tạo nghề trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội. (ii) Chưa được hỗ trợ đào tạo nghề từ chính sách hỗ trợ đào tạo nghề khác có sử dụng nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- Nội dung và mức hỗ trợ đào tạo: (i) Miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn. (ii) Vay vốn để tham gia đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định của chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. (iii) Được hỗ trợ tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp được cấp thẻ đào tạo nghề có giá trị tối đa bằng 12 tháng tiền lương cơ sở tại thời điểm đào tạo nghề và có giá trị sử dụng trong 01 năm kể từ ngày cấp.

5.9. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất

Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

a) Người lao động bị thu hồi đất tham gia đào tạo nghề được hỗ trợ như sau:

- Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng: Được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 09 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

- Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng: Được hỗ trợ học phí cho một khóa học.

- Mức học phí được hỗ trợ bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục công lập theo quy định của pháp luật.

- Kinh phí hỗ trợ được bố trí từ kinh phí đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề, hỗ trợ tìm kiếm việc làm và được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt.

- Vay vốn theo quy định của chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

b) Người lao động bị thu hồi đất được hỗ trợ đào tạo một lần theo chính sách hỗ trợ đào tạo nghề.

5.10. Chính sách về khởi nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm

Nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho người học tốt nghiệp từ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có khả năng chủ động tìm việc làm, tự tạo việc làm, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp, Nhà nước có chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 (theo Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”).



B. DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ TUYỂN SINH

I. Trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy

TT	Ngành, nghề đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1.	Giáo dục Mầm non	51140201	<p>Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát) (M04)</p> <p>Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát) (M05)</p> <p>Ngữ văn, Toán, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát) (M06)</p> <p>Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu hệ số 2 (Đọc diễn cảm, Kể chuyện, Hát) (M07)</p>

II. Trình độ cao đẳng - ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1.	Kế toán	6340301	<p>Toán, Vật lý, Hóa học (A00)</p> <p>Toán, Vật lý, Ngữ văn (C01)</p> <p>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)</p>
2.	Dịch vụ pháp lý	6380201	<p>Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý (C00)</p> <p>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)</p> <p>Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14)</p> <p>Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh (D15)</p>
3.	Lâm sinh	6620202	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)
4.	Chăn nuôi	6620119	Toán, Sinh học, Hóa học (B00)
5.	Nông nghiệp công nghệ cao	6620131	Toán, Sinh học, Địa lý (B02)
			Toán, Sinh học, Ngữ văn (B03)
6.	Tiếng Anh du lịch	6220217	<p>Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)</p> <p>Toán, Lịch sử, Tiếng Anh (D09)</p> <p>Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14)</p>

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
7.	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	Toán, Vật lý, Hóa học (A00) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)
8.	Công tác xã hội	6760101	Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý (C00) Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01) Ngữ Văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14)
9.	Quản trị văn phòng	6340403	Ngữ Văn, Địa lý, Tiếng Anh (D15)
10.	Công nghệ ô tô	6510216	Toán, Vật lý, Hóa học (A00)
11.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (D01)
12.	Chế tạo thiết bị cơ khí	6520104	
13.	Điều dưỡng	6720301	
14.	Hộ sinh	6720303	Toán, Hóa học, Sinh học (B00)
15.	Dược	6720201	

III. Trình độ trung cấp - ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1.	Y sĩ đa khoa	5720101	Toán, Hóa học, Sinh học (B00) lớp 12
2.	Tiếng Anh Du lịch	5220217	Toán, Văn học - lớp 9 hoặc lớp 12 Toán, Tiếng Anh - lớp 9 hoặc lớp 12
3.	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Toán, Văn học - lớp 9 hoặc lớp 12 Toán, Vật lý - lớp 9 hoặc lớp 12
4.	Lâm sinh	5620202	
5.	Trồng trọt	5620110	Toán, Sinh học - lớp 9 hoặc lớp 12
6.	Chăn nuôi - Thú y	5620120	
7.	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	5620304	
8.	Nông nghiệp công nghệ cao	5620131	

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
9.	Pháp luật	5380101	Toán, Vật lý - lớp 9 hoặc lớp 12 Toán, Văn học - lớp 9 hoặc lớp 12
10.	Hướng dẫn du lịch	5810103	Toán, Văn học - lớp 9 hoặc lớp 12 Toán, tiếng Anh - lớp 9 hoặc lớp 12
11.	Hành chính văn phòng	5320305	Toán, Văn học - lớp 9 hoặc lớp 12
12.	Công nghệ ô tô	5510216	Toán, Vật lý - lớp 9 hoặc lớp 12 Toán, Văn học - lớp 9 hoặc lớp 12
13.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	5510303	
14.	Chế tạo thiết bị cơ khí	5520104	
15.	Điện công nghiệp	5520227	
16.	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện	5520251	
17.	Cắt gọt kim loại	5520121	
18.	Hàn	5520123	
19.	May thời trang	5540205	

* Học sinh tốt nghiệp THCS đăng ký học trình độ trung cấp có nguyện vọng đăng ký kết hợp học chương trình văn hoá THPT để tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT; học liên thông lên cao đẳng, đại học tại Trường.

IV. Trình độ sơ cấp - ngành, nghề Giáo dục nghề nghiệp

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Hình thức tuyển sinh
1.	Nghiệp vụ lễ tân	Xét tuyển
2.	Du lịch cộng đồng	Xét tuyển
3.	Tiếng Hàn Quốc	Xét tuyển
4.	Nhân viên y tế thôn làng	Xét tuyển
5.	Cô đỡ thôn bản	Xét tuyển
6.	Hàn điện	Xét tuyển
7.	Vận hành máy xúc	Xét tuyển
8.	Nề hoàn thiện	Xét tuyển
9.	Kỹ thuật chế biến món ăn	Xét tuyển

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Hình thức tuyển sinh
10.	Lái xe ô tô hạng B2	Xét tuyển
11.	Lái xe ô tô hạng C	Xét tuyển
12.	Vận hành điện trong nhà máy	Xét tuyển
13.	Dệt thổ cẩm	Xét tuyển
14.	Nề cốt thép	Xét tuyển
15.	Kinh doanh vận tải đường bộ	Xét tuyển
16.	Giám đốc hợp tác xã nông nghiệp	Xét tuyển

V. Liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo liên thông
1.	Công tác xã hội	Từ trung cấp lên cao đẳng
2.	Tiếng Anh du lịch	Từ trung cấp lên cao đẳng
3.	Nông nghiệp công nghệ cao	Từ trung cấp lên cao đẳng
4.	Lâm sinh	Từ trung cấp lên cao đẳng
5.	Công nghệ ô tô	Từ trung cấp lên cao đẳng
6.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Từ trung cấp lên cao đẳng
7.	Chế tạo thiết bị cơ khí	Từ trung cấp lên cao đẳng
8.	Trồng trọt	Từ sơ cấp lên trung cấp
9.	Vận hành điện trong nhà máy thủy điện	Từ sơ cấp lên trung cấp
10.	May thời trang	Từ sơ cấp lên trung cấp

VI. Tuyển sinh bồi dưỡng, đào tạo thường xuyên

TT	Ngành đào tạo	Ghi chú
1.	Du lịch cộng đồng	
2.	Dịch vụ nhà hàng	
3.	Dịch vụ khách sạn	
4.	Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò	

TT	Nghề đào tạo	Ghi chú
5.	Trồng, chăm sóc cao su	
6.	Trồng, chăm sóc cà phê vối	
7.	Trồng rau hữu cơ	
8.	Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn thịt	
9.	Trồng rau an toàn	
10.	Nuôi cá nước ngọt	
11.	Trồng, chăm sóc chuối tiêu hồng	
12.	Chăn nuôi bò sữa nông hộ công nghệ cao	
13.	Trồng nấm rơm (người khuyết tật)	
14.	Trồng mía đường	
15.	Cạo mủ cao su	
16.	Chế biến rượu cần	
17.	Trồng nấm rơm	
18.	Trồng lúa	
19.	Trồng, chăm sóc sầu riêng	
20.	Chăm sóc cà phê vối	
21.	Kỹ thuật trồng cây ăn quả	
22.	Trồng nấm sò	
23.	Bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho giáo viên	
24.	Kỹ thuật pha chế đồ uống	
25.	Vận hành máy kéo nông nghiệp	
26.	Làm chổi đót	
27.	May công nghiệp	

TT	Nghề đào tạo	Ghi chú
28.	Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	
29.	Chương trình giáo dục hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông	
30.	Bồi dưỡng kỹ năng bơi lội và phòng chống đuối nước	
31.	Bồi dưỡng cầu lông	
32.	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cấp mầm non	
33.	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cấp tiểu học	
34.	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cấp trung học cơ sở	
35.	Chương trình Bồi dưỡng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	
36.	Chương trình Bồi dưỡng ngoại ngữ	
37.	Chương trình Bồi dưỡng tiếng Dân tộc thiểu số (Tiếng Ba Na)	
38.	Chương trình bồi dưỡng kỹ năng thiết kế và tổ chức dạy học trực tuyến (online) cho nhà giáo	

Ngoài ra, nhà trường đào tạo các lớp thường xuyên khác theo nhu cầu của xã hội.

VII. Tuyển sinh và đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học

TT	Ngành, nghề liên kết đào tạo	Hình thức tuyển sinh
1.	Quản trị nhân lực	Xét tuyển
2.	Luật học	Xét tuyển
3.	Quản lý văn hóa	Xét tuyển
4.	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	Xét tuyển
5.	Kinh doanh xuất bản phẩm	Xét tuyển
6.	Bảo tàng học	Xét tuyển
7.	Văn hóa học	Xét tuyển

TT	Ngành, nghề liên kết đào tạo	Hình thức tuyển sinh
8.	Việt Nam học	Xét tuyển
9.	Công tác xã hội	Xét tuyển
10.	Lưu trữ học - Quản trị văn phòng	Xét tuyển
11.	Đô thị học	Xét tuyển
12.	Thông tin học	Xét tuyển
13.	Báo chí	Xét tuyển
14.	Công nghệ sinh học	Xét tuyển
15.	Công nghệ sau thu hoạch	Xét tuyển
16.	Khoa học môi trường	Xét tuyển
17.	Nông học	Xét tuyển
18.	Lâm sinh	Xét tuyển
19.	Quản lý đất đai	Xét tuyển
20.	Khoa học cây trồng	Xét tuyển
21.	Kỹ thuật cấp thoát nước	Xét tuyển
22.	Kỹ thuật môi trường	Xét tuyển
23.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao	Xét tuyển
24.	Nông nghiệp công nghệ cao	Xét tuyển
25.	Công nghệ thực phẩm	Xét tuyển
26.	Nuôi trồng thủy sản	Xét tuyển
27.	Kế toán	Xét tuyển
28.	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển
29.	Giáo dục Tiểu học	Xét tuyển
30.	Sư phạm Âm nhạc	Thi tuyển, kết hợp xét tuyển
31.	Sư phạm Mỹ thuật	Thi tuyển, kết hợp xét tuyển

TT	Ngành, nghề liên kết đào tạo	Hình thức tuyển sinh
32.	Su phạm Toán học	Xét tuyển
33.	Su phạm Sinh học	Xét tuyển
34.	Su phạm tiếng Anh	Xét tuyển
35.	Su phạm Ngữ văn	Xét tuyển
36.	Su phạm Địa lý	Xét tuyển
37.	Giáo dục thể chất	Xét tuyển
38.	Su phạm Hóa học	Xét tuyển
39.	Su phạm Vật lý	Xét tuyển
40.	Công tác xã hội	Xét tuyển
41.	Su phạm Kỹ thuật Công nghệ	Xét tuyển
42.	Su phạm Sử học	Xét tuyển
43.	Su phạm Tin học	Xét tuyển
44.	Công nghệ thông tin	Xét tuyển
45.	Xây dựng	Xét tuyển
46.	Y tế công cộng	Xét tuyển
47.	Điều dưỡng	Xét tuyển
48.	Dược	Xét tuyển

C. THÔNG TIN HỌC PHÍ, CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ (đối với người học cao đẳng, trung cấp hệ chính quy)

I. Học phí

1. Mức học phí (Quyết định số 1754/QĐ-CĐCĐ ngày 14/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum về việc ban hành mức thu học phí đối với giáo dục nghề nghiệp từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026)

Đơn vị: đồng/tháng/học sinh, sinh viên

TT	Nhóm ngành, nghề	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026
1.	Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	490.000	560.000	640.000	730.000
2.	Khoa học, pháp luật và toán	565.000	650.000	745.000	850.000
3.	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	565.000	650.000	745.000	850.000
4.	Sản xuất, chế biến và xây dựng	565.000	650.000	745.000	850.000
5.	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	490.000	560.000	640.000	730.000
6.	Sức khỏe	665.000	760.000	870.000	1.000.000
7.	Dịch vụ, du lịch và môi trường	565.000	650.000	745.000	850.000

2. Chính sách học phí

a) Sinh viên ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy (theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP):

- Mức hỗ trợ sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí, được nhà nước hỗ trợ 3,63 triệu đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại Trường.

- Thời gian hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt được xác định theo số tháng thực tế học tập tại Trường theo quy định, nhưng không quá 10 tháng/năm học. Tổng kinh phí hỗ trợ của cả khóa học theo học chế tín chỉ không vượt quá mức hỗ trợ quy định cho khóa học theo năm học.

b) Đối tượng được miễn, giảm học phí: Thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021.

D. MỘT SỐ QUY ĐỊNH TUYỂN SINH NĂM 2023

1. Phương thức tuyển sinh

Năm 2023, nhà trường tiếp tục xét điểm thi tốt nghiệp THPT 2023 hoặc xét điểm học bạ lớp 12, xét điểm tốt nghiệp THPT đối với trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non. Xét học bạ lớp 9 đối với các ngành trung cấp còn lại (trừ các

ngành, nghề nhóm ngành sức khỏe). Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

2. Đối tượng ưu tiên

Đối tượng ưu tiên là những đối tượng thuộc nhóm ưu tiên sẽ được cộng điểm khi xét tuyển sinh thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nhóm đối tượng ưu tiên trong xét tuyển được phân chia cụ thể:

2.1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại: các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hiện hành; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành.

- Đối tượng 02: Người lao động đã làm việc liên tục 5 năm trở lên trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.

- Đối tượng 03:

+ Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân, công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

- Đối tượng 04:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như

thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng lao động;

+ Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

+ Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

+ Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;

+ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở.

Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên đối với quân nhân, công an phục viên, xuất ngũ ở ngành, nghề dự thi hay đăng ký xét tuyển vào học trình độ cao đẳng, trung cấp là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay đăng ký xét tuyển.

- Đối tượng 06:

+ Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại khoản 3, Điều 36 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng.

- Đối tượng 07:

+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

+ Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

c) Những đối tượng ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định;

d) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

2.2. Chính sách tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên được tuyển thẳng vào học trình độ cao đẳng; tốt nghiệp trung học cơ sở, tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp;

b) Người đã trúng tuyển vào các trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi Olympic, hội thi khoa học kỹ thuật, thi chọn học sinh giỏi từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng học trình độ trung cấp và đoạt giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thí sinh đoạt giải khuyến khích trở lên trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, được tuyển thẳng vào cao đẳng theo đúng ngành, nghề hoặc gần ngành, nghề của môn mà thí sinh đã đoạt giải. Nếu thí sinh chưa tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở sẽ được bảo lưu sau khi tốt nghiệp;

d) Thí sinh đã tốt nghiệp trung học là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thể vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu

Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được tuyển thẳng vào học trình độ cao đẳng và thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các giải thi đấu thể dục, thể thao từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp thể dục, thể thao hoặc các ngành thể dục, thể thao của các trường theo quy định của từng trường;

đ) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế được tuyển thẳng vào học các ngành, nghề tương ứng trình độ cao đẳng và thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các cuộc thi nghệ thuật từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng vào học các ngành, nghề tương ứng trình độ trung cấp của các trường năng khiếu, nghệ thuật theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hay xét tuyển vào trường.

e) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành, nghề đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

g) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường cao đẳng, trung cấp Việt Nam: Hiệu trưởng các trường căn cứ kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học;

h) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp trung học phổ thông tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định hiện hành; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

i) Người có bằng trung cấp loại giỏi trở lên và người có bằng trung cấp loại khá có ít nhất 02 năm làm việc theo ngành, nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư này sẽ được tuyển thẳng vào cùng ngành, nghề trình độ cao đẳng;

k) Người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề quốc gia đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư này sẽ được tuyển thẳng vào trường để học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đoạt giải ở trình độ cao đẳng;

l) Thí sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông (hoặc tương đương) có hạnh kiểm xếp loại khá trở lên, thuộc một trong các đối tượng sau đây được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như

thương bình mất sức lao động từ 81% trở lên;

+ Mồ côi cả cha lẫn mẹ.

2.3. Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào học trình độ cao đẳng

a) Đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, các kỳ thi tay nghề quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học phổ thông, hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho vào học;

b) Thí sinh đoạt huy chương bạc, huy chương đồng của các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức 1 lần trong năm và thí sinh được Ủy ban Thể dục thể thao có quyết định công nhận là vận động viên cấp 1 quốc gia đã tốt nghiệp trung học phổ thông được ưu tiên xét tuyển vào trình độ cao đẳng thể dục thể thao hoặc các ngành thể dục thể thao tương ứng của các trường;

c) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc được trường ưu tiên xét tuyển vào trình độ cao đẳng theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày thi tuyển sinh vào trường.

d) Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp trực tiếp cho trường dự kiến đăng ký tuyển thẳng trong thời gian thu nhận hồ sơ của trường.

2.4. Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền được tuyển thẳng nếu dự tuyển theo hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển được ưu tiên cộng điểm theo quy định của trường vào tổng điểm các môn dự tuyển của thí sinh.

Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp cho trường dự kiến đăng ký tuyển thẳng trong thời gian thu nhận hồ sơ theo quy định của nhà trường.

2.5. Chính sách ưu tiên theo khu vực

a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học trung học phổ thông (hoặc trong thời gian học trung cấp) có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm

thi tuyển sinh;

b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;
- Học sinh các trường, lớp dự bị;
- Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học trung học phổ thông hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành nếu học trung học phổ thông (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên;
- Quân nhân, công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

c) Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

- Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học trung học phổ thông/trung học cơ sở hoặc trung cấp của thí sinh, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành;

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;

- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1).;

- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

2.6. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) đối với thang điểm 10.

3. Quy định điểm sàn với trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

Năm 2023, Nhà trường tự xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào,

đảm bảo các điều kiện **quy định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào¹** đối với ngành Giáo dục Mầm non trình độ Cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

4. Phương thức xét tuyển trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

Học lực xếp loại Khá trở lên của năm lớp 12 hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên mới được xét tuyển và ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy (Đối với phương thức xét học bạ).

Phương thức xét học bạ vào ngành Giáo dục Mầm non xếp loại học lực của năm lớp 12 đạt từ loại Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên và đảm bảo ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Đợt tuyển sinh

Năm 2023, nhà trường thực hiện nhiều đợt tuyển sinh (tuyển sinh liên tục trong năm).

E. THÔNG TIN CỤ THỂ VỀ NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP

1. Ngành Giáo dục Mầm non

Cơ hội việc làm: Nhà trường giới thiệu việc làm cho sinh viên tại các trường mầm non công lập và tư thục, các Phòng Giáo dục và Sở GD&ĐT. Sinh viên tốt nghiệp có thể tham gia thành lập trường tư thục mầm non hoặc làm việc trong các trung tâm bảo trợ xã hội, tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan hành chính. Ngoài ra, sinh viên có thể tiếp tục học lên đại học, cao học hoặc bồi dưỡng quản lý giáo dục để làm công tác quản lý.

2. Ngành, nghề Kế toán

Cơ hội việc làm: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại cơ quan nhà nước hay các loại hình doanh nghiệp khác nhau ở các lĩnh vực: Sản xuất, thương mại, dịch vụ. Vị trí việc làm phù hợp: Kế toán tổng hợp, Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán hàng tồn kho và phải trả người bán, Kế toán tài sản cố định, bất động sản đầu tư, đầu tư tài chính và các khoản vay, Kế toán bán hàng và phải thu khách hàng; Kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương, Kế toán chi phí và tính giá thành, Kế toán thuế, Nhân viên môi giới chứng khoán, Nhân viên văn phòng giao dịch, Nhân viên thuế, Thủ quỹ,... Có cơ hội phát triển thành Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán, Quản lý tài chính,...

3. Ngành, nghề Lâm sinh

Cơ hội việc làm:

- **Trình độ cao đẳng:** Sau khi tốt nghiệp, sinh viên cao đẳng lâm sinh có khả năng làm việc tại các Công ty TNHH-MTV nông lâm nghiệp và dịch vụ của tỉnh Kon Tum và các tỉnh thành trong cả nước, các cơ quan quản lý nhà nước về

¹ Tổng điểm tổ hợp gồm 3 bài thi/môn thi/môn xét tuyển (không nhân hệ số, không cộng điểm ưu tiên)>= Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

nông lâm nghiệp: Sở Nông nghiệp, Trung tâm khuyến nông -khuyến lâm, Chi cục Kiểm Lâm, Hạt Kiểm lâm các Huyện, các Ban quản lý rừng...

+ Có khả năng tổ chức sản xuất kinh doanh lâm nghiệp trang trại quy mô vừa và nhỏ... ứng dụng trong khởi nghiệp kinh doanh;

+ Có khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

- **Trình độ trung cấp:** Sau khi tốt nghiệp, sinh viên Trung cấp lâm sinh có khả năng làm việc tại các Công ty TNHH-MTV nông lâm nghiệp và dịch vụ của tỉnh Kon Tum và các tỉnh thành trong cả nước, các cơ quan quản lý nhà nước về nông lâm nghiệp: Sở Nông nghiệp-PTNT, Trung tâm khuyến nông -khuyến lâm, Chi cục Kiểm Lâm, Hạt Kiểm lâm các Huyện, các Ban quản lý rừng...

+ Có khả năng tổ chức sản xuất kinh doanh lâm nghiệp trang trại quy mô vừa và nhỏ... ứng dụng trong khởi nghiệp kinh doanh;

+ Có khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập liên thông lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

4. Ngành, nghề Chăn nuôi

Cơ hội việc làm: Làm cán bộ kỹ thuật tại các cơ sở chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh thức ăn gia súc trong và ngoài nước (Trung tâm giống, Công ty, Doanh nghiệp, Nông trại, Trang trại, Cửa hàng, Đại lý);

- Làm nhân viên kinh doanh, tiếp thị mua bán vật tư phục vụ sản xuất và các sản phẩm của ngành Chăn nuôi-Thú y cho các đơn vị kinh tế;

- Làm việc trong các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi (Trạm khuyến nông; Phòng nông nghiệp; Ban chăn nuôi-Thú y xã, phường, thị trấn; Công ty, Doanh nghiệp...).

5. Ngành, nghề Nông nghiệp công nghệ cao

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng ứng dụng và vận hành các kỹ thuật và công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; có khả năng làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài nước; có khả năng tự tổ chức và sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Phụ trách kỹ thuật sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; quản lý, giám sát tiến trình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; vận hành hoạt động sản xuất trong các hệ thống nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp công nghệ cao; chuyên viên tư vấn, phụ trách kỹ thuật, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp; làm việc tại các dự án và tổ chức phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các trang trại sản xuất nông nghiệp...

6. Ngành, nghề Dịch vụ pháp lý

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu công việc của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, có thể đảm nhận các vị trí việc làm liên quan đến pháp luật vốn rất phong phú, đa dạng trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp, công ty, văn phòng luật

sur, tổ chức hành nghề công chứng...

- Ngoài khả năng tìm việc làm, người học còn có thể tự tạo việc làm bằng việc thực hiện các dịch vụ pháp lý, các thủ tục hành chính... cho khách hàng, thông qua các hoạt động tư vấn, môi giới, giải quyết tranh chấp...

- Người học sẽ có kiến thức nền tảng để có thể học liên thông ở các bậc cao hơn trong lĩnh vực chuyên ngành.

7. Ngành, nghề Tiếng Anh du lịch

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành, nghề Tiếng Anh du lịch có thể làm việc ở các nhà hàng, khách sạn, khu resort, khu du lịch, homestay tại vị trí Lễ tân, Hướng dẫn viên du lịch hoặc Marketing du lịch,...

8. Ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính

Cơ hội việc làm: Học sinh, sinh viên tốt nghiệp ngành, nghề Kỹ thuật sửa chữa và Lắp ráp máy tính có khả năng sửa chữa máy tính để bàn, Laptop thành thạo, lắp ráp, bảo trì, sửa chữa máy tính, hệ thống mạng máy tính trong các tòa nhà, nhà máy, xí nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp; Nhân viên kỹ thuật trong các cơ sở sản xuất, cửa hàng kinh doanh thiết bị điện tử máy tính; Thi công hệ thống mạng Lan, bảo trì các dịch vụ Internet... Có khả năng tự tổ chức kinh doanh, dịch vụ kỹ thuật, sửa chữa máy tính và thiết bị ngoại vi.

9. Ngành, nghề Công tác xã hội

Cơ hội việc làm: Cán bộ, chuyên viên, nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội làm việc tại UBND các cấp, Sở, phòng LĐ-TB&XH các huyện, thị, thành phố; trung tâm bảo trợ xã hội; các cơ sở, tổ chức thuộc lĩnh vực an sinh xã hội nhà nước, tư nhân; trường học, bệnh viện, trung tâm y tế; các tổ chức có liên quan như về pháp luật, văn hoá, truyền thông. Tổ chức chính trị xã hội như Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp thanh niên, công đoàn, mặt trận, hội phụ nữ, hội nông dân. Cá nhân có thể thành lập các trung tâm công tác xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội, trung tâm giới thiệu việc làm,...

Ngoài ra, nhà trường còn liên kết với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh thực tập, nâng cao tay nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường.

10. Ngành, nghề Quản trị văn phòng

Cơ hội việc làm: Cán bộ, nhân viên về quản trị văn phòng, lưu trữ, làm thư ký tổng hợp văn phòng, văn thư, thư viện, bảo tàng, di tích văn hóa, lịch sử, hướng dẫn nghiệp vụ văn phòng, lưu trữ ở các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội như Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội liên hiệp thanh niên, Mặt trận, Hội phụ nữ, Hội nông dân... trường học, bệnh viện, trung tâm y tế; các tổ chức có liên quan về pháp luật, văn hoá, truyền thông, các lực lượng vũ trang, các doanh nghiệp và đơn vị quản lý lưu trữ chuyên ngành khác,...

Ngoài ra, nhà trường còn liên kết với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh thực tập, nâng cao tay nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường.

11. Ngành, nghề Công nghệ ô tô

Cơ hội việc làm: Có thể làm việc được tại các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô, nhà máy lắp ráp và các trung tâm bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, ở các vị trí: Bảo dưỡng ô tô; sửa chữa động cơ; sửa chữa hệ thống treo, lái, phanh và truyền lực ô tô; sửa chữa điện ô tô; kiểm tra chất lượng sản phẩm; nhân viên tư vấn các trung tâm dịch vụ bán hàng của các hãng ô tô.

12. Ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Cơ hội việc làm: Có thể tìm việc làm dễ dàng tại các nhà máy, xí nghiệp với mức thu nhập, cao ổn định. Có thể xuất khẩu lao động sang các nước như Hàn Quốc, Đài Loan.

13. Ngành, nghề Chế tạo thiết bị cơ khí

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp sẽ làm việc tại các Công ty, Doanh nghiệp chế tạo thiết bị cơ khí. Tự tạo việc làm, tự làm chủ công ty, xưởng sản xuất chế tạo thiết bị cơ khí; Có thể xuất khẩu lao động sang các nước như Hàn Quốc, Đài Loan ...

14. Ngành, nghề Điều dưỡng

Cơ hội nghề nghiệp: Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc ở các bệnh viện, trung tâm Y tế, phòng khám đa khoa, các cơ quan đơn vị thuộc ngành Y tế khác hoặc các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp, các dịch vụ thuộc các thành phần y tế... hoặc tham gia xuất khẩu lao động.

15. Ngành, nghề Hộ sinh

Cơ hội nghề nghiệp: Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng làm việc tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập ở tất cả các tuyến từ trung ương đến cơ sở trong toàn quốc, đặc biệt là chuyên khoa sản.

16. Ngành, nghề Dược

Cơ hội nghề nghiệp: Sau khi tốt nghiệp, người học sẽ có nhiều cơ hội việc làm tại các công ty dược phẩm trong và ngoài nước, tại nhà thuốc bệnh viện hoặc các cơ sở tư nhân, tham gia xuất khẩu lao động hoặc làm chủ các cơ sở kinh doanh thuốc: Quầy thuốc, đại lý thuốc.

17. Ngành, nghề Y sĩ đa khoa

Cơ hội nghề nghiệp: Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc ở các bệnh viện, trung tâm Y tế, phòng khám đa khoa, các cơ quan đơn vị thuộc ngành Y tế khác hoặc các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp, các dịch vụ thuộc các thành phần y tế... hoặc tham gia xuất khẩu lao động.

18. Ngành Kế toán doanh nghiệp

Cơ hội việc làm: Học sinh ngành kế toán doanh nghiệp sau khi tốt nghiệp có thể làm việc cơ quan nhà nước hay các loại hình doanh nghiệp khác nhau ở các lĩnh vực: Sản xuất, thương mại, dịch vụ. Vị trí việc làm phù hợp: Kế toán tổng hợp, Kế toán các phần hành (Kế toán vốn bằng tiền; Kế toán hàng tồn kho và phải trả người bán; Kế toán tài sản cố định; Kế toán bán hàng và phải thu khách hàng; Kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương; Kế toán chi phí tính giá

thành); Nhân viên văn phòng giao dịch, Nhân viên thuế, Thủ quỹ,...

19. Ngành, nghề Trồng trọt

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp người học có cơ hội làm việc tại:

- Các cơ sở sản xuất và nghiên cứu thực nghiệm về cây lương thực, cây công nghiệp, cây rau quả, cây hoa và cây cảnh.
- Các trung tâm nghiên cứu sản xuất giống cây trồng, phòng kỹ thuật của các trang trại, các cơ sở sản xuất, kinh doanh - dịch vụ giống cây trồng và thuốc bảo vệ thực vật.
- Có thể học nâng cao trình độ ở các trường cao đẳng, đại học có đào tạo chuyên ngành Trồng trọt, ngành khuyến nông.

20. Ngành, nghề Chăn nuôi - Thú y

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp người học có thể trở thành kỹ thuật viên trung cấp chuyên nghiệp về Chăn nuôi và thú y, có thể đảm nhận được nhiệm vụ tại trạm thú y, trang trại chăn nuôi, mạng lưới thú y xã, phường và hỗ trợ các kỹ sư trong lĩnh vực chuyên môn.

- Làm việc tại các công ty liên doanh với nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất thức ăn gia súc, thuốc thú y, thủy sản.
- Làm nhân viên kinh doanh, tiếp thị mua bán vật tư phục vụ sản xuất và các sản phẩm của ngành Chăn nuôi - Thú y cho các đơn vị kinh tế;
- Làm kỹ thuật trại chăn nuôi nhà nước, tư nhân,...

21. Ngành, nghề Pháp luật

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu công việc của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, có thể đảm nhận các vị trí việc làm liên quan đến pháp luật vốn rất phong phú, đa dạng trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp, công ty, văn phòng luật sư, tổ chức hành nghề công chứng...

- Ngoài khả năng tìm việc làm, người học còn có thể tự tạo việc làm bằng việc thực hiện các dịch vụ pháp lý, các thủ tục hành chính ... cho khách hàng, thông qua các hoạt động tư vấn, môi giới, giải quyết tranh chấp...
- Người học sẽ có kiến thức nền tảng để có thể học liên thông ở các bậc cao hơn trong lĩnh vực chuyên ngành.

22. Ngành, nghề Nuôi trồng thủy sản nước ngọt

Cơ hội việc làm: Sau khi tốt nghiệp, người học đủ khả năng làm kỹ thuật viên sản xuất giống thủy sản nước ngọt; kỹ thuật viên nuôi thương phẩm thủy sản nước ngọt; nhân viên bảo quản sản phẩm thủy sản sau thu hoạch; kỹ thuật viên phục vụ công tác nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành, nghề nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

23. Ngành, nghề Hành chính văn phòng

Cơ hội việc làm: Học sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các cơ quan Nhà nước như UBND, HĐND cấp tỉnh, huyện, xã, phường, hệ thống trường học các cấp, bưu điện, đơn vị truyền thông, thông tin; thư viện, bảo tàng, di tích văn hóa, lịch sử; tổ chức chính trị xã hội như Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội liên hiệp thanh niên, Mặt trận, Hội phụ nữ, Hội nông dân... bệnh viện, trung tâm y tế; các lực lượng vũ trang, các doanh nghiệp.

24. Ngành, nghề Hướng dẫn du lịch

Cơ hội việc làm: Học sinh sau khi tốt nghiệp, người học có đủ khả năng tham gia vào các vị trí công việc như: Hướng dẫn viên tại các điểm tham quan, hướng dẫn viên toàn tuyến; hướng dẫn viên dưới các hình thức du lịch; trưởng nhóm hướng dẫn viên; quản lý nghiệp vụ hướng dẫn của các công ty du lịch và các vị trí khác thuộc lĩnh vực du lịch.

25. Ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Cơ hội việc làm: Học sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các công ty, doanh nghiệp về vận hành, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị điện tử, các hệ thống điều khiển bằng điện tử.

- Cán bộ kỹ thuật, cán bộ điều hành tại các trung tâm nghiên cứu phát triển, các khu công nghiệp, nhà máy chế tạo các sản phẩm điện tử.

- Cán bộ kỹ thuật, tư vấn kinh doanh các sản phẩm công nghệ thuộc lĩnh vực điện tử.

- Nhân viên kỹ thuật hoặc tư vấn thiết kế, vận hành, bảo trì mạng lưới điện tại các công ty điện lực, nhà máy điện, trạm biến áp, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, công ty thiết kế vi mạch, công ty điện tử ...

- Quản trị hệ thống điện, điện lạnh tại các doanh nghiệp, trường học, công ty sản xuất và trung tâm thương mại;

- Các công ty thương mại về kinh doanh thiết bị điện, điện tử, điện lạnh.

26. Ngành, nghề Chế tạo thiết bị cơ khí

Cơ hội việc làm: Học sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các công ty, doanh nghiệp về bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống máy móc cơ khí; Kinh doanh thiết bị, máy móc, vật tư cơ khí;

Tự tạo việc làm, tự làm chủ công ty, xưởng sản xuất chế tạo thiết bị cơ khí; quản lý và tổ chức quá trình sản xuất tại các nhà máy và các công trình; Kiểm tra chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật;

Gia công cơ khí, hàn và gia công kim loại tấm tại các doanh nghiệp.

27. Ngành, nghề Điện công nghiệp

Cơ hội việc làm: Ngành, nghề điện công nghiệp phổ biến trên cả nước, học sinh sau khi tốt nghiệp có thể tìm việc làm dễ dàng tại các nhà máy, xí nghiệp hoặc có thể tham gia lắp đặt điện dân dụng ... với mức thu nhập cao ổn định. Có thể xuất khẩu lao động sang các nước như Hàn Quốc, Đài Loan.

28. Ngành, nghề Vận hành điện trong nhà máy thủy điện

Cơ hội việc làm: Có thể làm việc tại các nhà máy thủy điện, làm nhiệm vụ vận hành, theo dõi, kiểm tra, giám sát, điều chỉnh chuyển đổi phương thức và xử lý các trường hợp sự cố trong tuyến năng lượng, tua bin thủy lực, máy phát điện, máy biến áp, trạm phân phối, hệ thống điện tự dùng, hệ thống điện một chiều, thiết bị nhiệt, hệ thống nước kỹ thuật, thông gió, máy nén khí, ... của nhà máy thủy điện.

29. Ngành, nghề Cắt gọt kim loại

Cơ hội việc làm: Có thể làm việc tại các công ty, xí nghiệp chế tạo máy hoặc các cơ sở gia công cơ khí. Sử dụng thành thạo các loại máy công cụ vận hành và điều khiển chương trình số để gia công tạo hình sản phẩm có phối nhằm phục vụ cho tất cả các ngành, nghề chế tạo máy công nghiệp và nông nghiệp,... chế tạo các chi tiết đúng yêu cầu kỹ thuật.

30. Ngành, nghề Hàn

Cơ hội việc làm: Học sinh sau tốt nghiệp có thể kiếm việc làm tại các Công ty, Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn có nghề Hàn, thu nhập cao, ổn định lâu dài cho cuộc sống. Có thể xuất khẩu lao động sang các nước như Đài Loan, Hàn Quốc...

31. Ngành, nghề May thời trang

Cơ hội việc làm: Có thể trực tiếp làm việc tại các vị trí của dây chuyền may hoặc làm nhiệm vụ quản lý, tổ chức dây chuyền sản xuất may công nghiệp; làm kỹ thuật viên tại các phòng kỹ thuật của các doanh nghiệp may. Ngoài ra, có khả năng làm việc độc lập tại các cửa hiệu may hoặc tự tạo việc làm.

F. THÔNG TIN TUYỂN DỤNG VÀ GIỚI THIỆU VIỆC LÀM

Nhà trường phối hợp với các công ty; doanh nghiệp trên địa bàn trong; ngoài tỉnh và hợp tác với các công ty nước ngoài về cung ứng nguồn nhân lực giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi ra trường. Mục tiêu của Nhà trường giới thiệu cho 100% học sinh, sinh viên sau khi ra trường có việc làm đúng nghề đào tạo.

MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ:

PHÒNG ĐÀO TẠO - TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM

Điện thoại: **02603.864.929 - 02603.863.592; Hotline: 0846.864929**

Website: <http://ktcc.edu.vn> ; <https://tuyensinh.ktcc.edu.vn>

Email: tuyensinh@ktcc.edu.vn

Fanpage Facebook: Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum